

Chương VII

NGUYÊN TẮC BỒI THƯỜNG,
THỦ TỤC YÊU CẦU BỒI THƯỜNG

Điều 16. — Nguyên tắc bồi thường.

Tất cả các khoản bồi thường đều thanh toán bằng tiền, không bồi thường bằng hiện vật. Các vụ bồi thường chưa được thỏa thuận giữa các bên hữu quan hoặc chưa được xử lý thì không được bên nào tự tiện trừ tiền cước phí của bên nào.

Trường hợp đã thỏa thuận hoặc đã xử lý có biên bản ký nhận mà bên phải bồi thường không chịu trả tiền bồi thường thì bên được bồi thường chuyển hồ sơ bồi thường đó cho ngân hàng đề nhờ thu không chờ chấp nhận.

Điều 17. — Thủ tục yêu cầu bồi thường.

a) Người có quyền yêu cầu bồi thường phải là chủ hàng, công ty đại lý hoặc bên vận tải đã ký kết hợp đồng đại lý vận tải.

b) Thời gian có hiệu lực đề yêu cầu và giải quyết việc bồi thường được căn cứ theo quy định của các điều lệ vận tải hiện hành.

c) Hồ sơ yêu cầu bồi thường phải kèm theo đầy đủ các chứng từ cần thiết cho việc điều tra, đối chiếu, xác nhận trách nhiệm bồi thường:

— Bản sao giấy ủy nhiệm gửi hàng hoặc phiếu giao nhận hàng đại lý vận tải;

— Bản sao giấy vận chuyển, giấy gửi hàng;

— Bản sao biên bản thương vụ và các chứng từ khác có liên quan.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH CHUNG

Điều 18. — Ngoài những điều đã quy định chung trong bản điều lệ này các bên chủ hàng, công ty đại lý vận tải, đơn vị vận tải còn phải thi hành các điều lệ vận tải.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

QUYẾT ĐỊNH số 5-QĐ ngày 26-2-1970
ban hành quy định về tổ chức Phòng
quản lý ngoại hối biên giới.TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT-NAM

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 26-10-1961 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Ngân hàng ngoại thương Việt-nam và ông Cục trưởng Cục ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt-nam;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành quy định về tổ chức Phòng quản lý ngoại hối biên giới, có hiệu lực kể từ ngày ký quyết định này.

Điều 2. — Các ông Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ tổ chức và cán bộ, Cục trưởng Cục ngoại hối, Vụ trưởng Vụ kế toán và tài vụ Ngân hàng Nhà nước Việt-nam, ông Giám đốc Ngân hàng ngoại thương Việt-nam và các ông Trưởng chi nhánh ngân hàng Nhà nước Việt-nam ở các tỉnh biên giới thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 26 tháng 2 năm 1970

K.T. Tổng giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam

Phó tổng giám đốc

NGUYỄN SĨ DỒNG

(1) Không đăng các mẫu số 1, 2, 3.

QUY ĐỊNH

Về tổ chức phòng quản lý ngoại hối biên giới.

(Ban hành kèm theo quyết định số 5-QĐ ngày 26-2-1970 của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam)

Mục I. MỤC ĐÍCH THÀNH LẬP

Điều 1. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới được thành lập ở các cửa khẩu biên giới Việt-nam — Trung-quốc và Việt-nam — Lào nhằm mục đích quản lý ngoại hối ở biên giới, góp phần bảo vệ độc lập và chủ quyền tiền tệ và tăng cường quan hệ kinh tế, văn hóa với hai nước bạn.

Mục II. NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 2. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Bán tiền Nhân dân tệ cho người đi từ lãnh thổ Việt-nam sang lãnh thổ Trung-quốc; bán tiền Kíp giải phóng Lào cho người đi từ lãnh thổ Việt-nam sang khu giải phóng Lào.

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam trung ương quy định bằng văn bản riêng đối tượng người được Ngân hàng bán ngoại tệ, mức bán cho mỗi người, mỗi lượt đi.

2. Mua tiền ngoại tệ từ bán (nhập cảnh hợp pháp) của người đi từ lãnh thổ Trung-quốc và vùng giải phóng Lào sang lãnh thổ Việt-nam xin bán để có tiền Việt-nam chi tiêu trên lãnh thổ Việt-nam; mua tiền ngoại tệ từ bán (nhập cảnh hợp pháp) thuộc quyền sở hữu của người Việt-nam sinh sống trên đất Việt-nam nhưng những người này không được phép giữ mà phải bán cho ngân hàng.

3. Giữ hộ các khoản tiền sau đây:

a) Tiền Việt-nam của người Việt-nam hay người nước ngoài gửi lại trước khi ra khỏi lãnh thổ Việt-nam sau sẽ trở lại rút ra;

b) Tiền nước ngoài nhập cảnh hợp pháp thuộc quyền sở hữu của người nước ngoài và những người này yêu cầu ngân hàng giữ hộ sau sẽ rút ra, hoặc nhờ ngân hàng bán hộ; tiền nước ngoài nhập cảnh hợp pháp thuộc quyền sở hữu của người Việt-nam sinh sống trên đất Việt-nam và những người này không được giữ mà phải gửi nhờ ngân hàng bán hộ.

c) Tiền Việt-nam xuất nhập khẩu trái phép bị giữ lại chờ xử lý; tiền nước ngoài xuất nhập trái phép hay lưu hành trái phép bị giữ lại chờ xử lý;

4. Phối hợp với các ngành có liên quan ở địa phương để quản lý ngoại hối ở vùng biên giới do phòng chịu trách nhiệm, cụ thể là:

a) Năm tình hình người qua lại, tình hình hàng hóa, vàng bạc xuất nhập lậu lén, tiền tệ chạy qua lại, tỷ giá chợ đen;

b) Nghiên cứu tình hình đó và đề xuất chủ trương giải quyết.

5. Báo cáo tình hình công tác hàng tháng lên Ngân hàng trung ương, chi nhánh tỉnh và chi nhánh hay chi điểm chủ quản.

Điều 3. — Tùy tình hình cụ thể của từng địa phương và tùy điều kiện tổ chức, Ngân hàng trung ương có văn bản quy định riêng cho từng phòng làm tất cả hay một phần các nhiệm vụ nói trên.

Mục III. TỔ CHỨC

Điều 4. — Ngân hàng trung ương quyết định thành lập hay giải thể Phòng quản lý ngoại hối biên giới theo sự thỏa thuận với ngân hàng các nước bạn hoặc theo đề nghị của các chi nhánh ngân hàng tỉnh ở biên giới được Ủy ban hành chính tỉnh thống nhất ý kiến.

Điều 5. — Về mặt đối ngoại, tổ chức này ở dọc biên giới Việt-nam — Trung-quốc được gọi là Phòng quản lý ngoại hối biên giới của Ngân hàng Nhà nước Việt-nam, và ở dọc biên giới Việt-nam — Lào là Phòng quản lý ngoại hối biên giới của Ngân hàng ngoại thương Việt-nam.

Điều 6. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới không phải là một cấp ngân hàng cơ sở mà là một tổ chức phụ thuộc của chi điểm hay chi nhánh nghiệp vụ ngân hàng.

Điều 7. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới áp dụng chế độ kế toán kép và phương pháp hạch toán thống nhất của Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng trung ương quy định bằng văn bản riêng các tài khoản, các mẫu mực giấy tờ và các thủ tục làm việc của phòng.

Điều 8. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới được tùy tình hình cụ thể mà đề nghị với chi nhánh ngân hàng tỉnh (thông qua chi điểm hay chi nhánh nghiệp vụ) và Ủy ban hành chính huyện về ngày giờ mở cửa tiếp khách cho thích hợp với nhu cầu qua lại cửa khẩu của nhân dân và của tàu xe liên vận, không nhất thiết làm việc theo đúng ngày giờ hành chính do Nhà nước quy định chung, nhưng vẫn phải bảo đảm mỗi tuần lễ làm việc 48 giờ kể cả thì giờ tiếp khách và thì giờ làm việc nội bộ.

Điều 9. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới có một trưởng phòng chịu trách nhiệm chung, một kế toán viên và một thủ quỹ do trưởng

chi nhánh trung tâm quyết định theo đề nghị của ông trưởng chi điểm (hoặc trưởng chi nhánh nghiệp vụ).

Điều 10. — Phòng quản lý ngoại hối biên giới được dùng dấu riêng do Ngân hàng trung ương cấp đề đóng vào công văn và giấy tờ giao dịch.

Điều 11. — Chi phí của Phòng quản lý ngoại hối biên giới được ghi vào dự toán của chi điểm hay chi nhánh nghiệp vụ. Ngoài các mục chung, chi điểm hay chi nhánh nghiệp vụ được dự trù mục chi về tiếp khách hàng ngày đến giao dịch và về tiếp khách bên bạn sang.

Mục IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. — Bản quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hà-nội, ngày 26 tháng 3 năm 1970

K.T. Tổng giám đốc

Ngân hàng Nhà nước Việt-nam

Phó tổng giám đốc

NGUYỄN SĨ ĐỒNG